



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 347 + 348

Ngày 15 tháng 6 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26-4-2025-	Quyết định số 1629/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Thủy lợi.	2
26-4-2025-	Quyết định số 1630/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.	31
26-4-2025-	Quyết định số 1640/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Biển và Hải đảo.	41
26-4-2025-	Quyết định số 1641/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Môi trường.	49

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1629/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính lĩnh vực Thủy lợi

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2939/TTr-STNMT-VP ngày 21 tháng 4 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 27 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025) rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục tại Phụ lục XIII Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025), Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY LỢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

### A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND Cấp Tỉnh quản lý	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ theo quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND Cấp Tỉnh quản lý	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Tài nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>
3	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>
4	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ	Sở Tài nguyên và Môi trường (176 Hai Bà	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	hồ sơ theo quy định.	<i>Trung, Phường Đa Kao, Quận 1)</i>		an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Tài nguyên và Môi trường <i>(176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)</i>	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Tài nguyên và Môi trường <i>(176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)</i>	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	Không quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>

**B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025); Ủy ban nhân dân cấp huyện**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2020; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		Môi trường; - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
3	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
4	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trù xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện	07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND Cấp Tỉnh.		quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>- Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1):</p> <p>Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:</p> <p>Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>- Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
6	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1):</p> <p>Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:</p> <p>Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li><li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</li><li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;</li><li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li><li>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND</li></ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (<i>176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1</i>):</p> <p>Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân</p>	Không	<p>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</p> <p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
8	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng,	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	1.Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.		<p>Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:</p> <p>Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.</p>		<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
9	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy	10 (mười) ngày làm việc kể từ	1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1):</p> <p>Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:</p> <p>Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.</p>		<p>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
10	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	1. Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	1.Sở Tài Nguyên và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2020;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.		Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>- Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
12	Cấp gia hạn, điều	05 (năm) ngày	1. Sở Tài Nguyên và	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1): Đối với công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trừ công trình thủy lợi đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý. 2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: Đối với công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý.		2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về quản lý, khai thác



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp Tỉnh phân cấp	30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> </ul>
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lên)				trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</li> </ul>
5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp	30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	huyện				- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

**D. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. - Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					và Môi trường.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</li> </ul>
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.</li> <li>- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ng nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1630/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh,  
chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4179/TTr-SYT ngày 23 tháng 4 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

**Điều 2.** Giao Sở Y tế rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực

tuyên trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục

- Thứ tự A.7, A.8, A.10 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

- Thứ tự 10 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ và;</li> <li>- 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông</li> </ul>	Sở Y tế (Số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000 đồng/lần;</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/lần;</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/lần;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</li> <li>- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế;</li> <li>- Quyết định số 1330/QĐ-BYT ngày</li> </ul>	<b>Cơ quan thực hiện:</b> a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.		chuyên khoa. Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/lần; - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/lần (Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp).	18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.	
2	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Y tế (Số 59 Nguyễn Thị Minh Khai,	1.500.000 đồng/lần. (Không thu phí đối với	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số	<b>Cơ quan thực hiện:</b> a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	bệnh		<i>phường Bến Thành, Quận 1)</i>	trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp).	96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; - Quyết định số 1330/QĐ-BYT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.	Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
3	Điều chỉnh	<b>Trường hợp</b>	Sở Y tế	<i>Không thu phí đối</i>	- Luật Khám bệnh,	<b>Cơ quan thực hiện:</b>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	<b>không phải thẩm định thực tế tại cơ sở:</b> 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; <b>Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở:</b> Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được	(Số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1)	với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: I. Trường hợp 1: 1.500.000 đồng/hồ sơ II. Trường hợp 2: a) Thay đổi quy mô hoạt động: - Bệnh viện: 10.500.000	chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023: - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; - Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc phân cấp, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm	<b>I. Trường hợp 1:</b> Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm (Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP). a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.		<p>đồng/hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</li> </ul> <p>b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện,</li> </ul>	<p>quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1330/QĐ-BYT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul>	<p><b>II. Trường hợp 2:</b> Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).</p> <p><i>Trường hợp 2.1:</i></p> <p>Trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động do thay đổi quy mô giường bệnh (tổng số giường điều chỉnh không được vượt quá 100 giường bệnh) từ 10% đến dưới 50% tổng số giường bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc trường hợp điều chỉnh quy mô giường bệnh dưới 10% nhưng số giường điều chỉnh vượt quá 30 giường bệnh</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Các hình thức tổ</p>		<p>hoặc đã hoàn thành việc tự điều chỉnh quy mô giường bệnh đến dưới 50% tổng số giường bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật không phải danh mục kỹ thuật đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Y tế công bố theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP:</p> <p>a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ. c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí.		thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (bao gồm cả bệnh viện tư nhân). <i>Trường hợp 2.2. Các trường hợp còn lại:</i> a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).
4	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	15 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Sở Y tế (Số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1)	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;</li> <li>- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>- Quyết định số 1330/QĐ-BYT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.</li> </ul>	<b>Cơ quan thực hiện:</b> Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế, bao gồm cả bệnh viện tư nhân: hồ sơ gửi về Sở Y tế nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đặt trụ sở.



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1640/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính**  
**lĩnh vực Biển và Hải đảo**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3274/TTr-STNMT-VP ngày 25 tháng 4 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Biển và Hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025) rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự A.6, A.7 tại Phụ lục XXII Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Biển và Hải đảo ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận văn bản, phiếu yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu.</p> <p>Trường hợp văn bản, phiếu yêu cầu chưa đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, phiếu yêu cầu.</p> <p>- Thời hạn giải quyết và trả kết quả:</p> <p>+ Đối với dữ liệu có thể cung</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Thu phí theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT-BTC, Thông tư số 74/2022/TT-BTC và Thông tư số 55/2018/TT-BTC	<p>- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>cấp ngay: tổ chức, cá nhân được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc được cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu;</p> <p>+ Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;</p> <p>+ Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;</p> <p>+ Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;</p> <p>+ Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu được</p>			<p>ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.			<p>các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1003/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
2	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét yêu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ	Sở Tài nguyên và Môi trường (63 Lý Tự	Thu phí theo quy định tại Thông tư số 294/2016/TT-	- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/06/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	<p>liệu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>+ Trường hợp thông tin yêu cầu chưa đầy đủ, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi thông tin phản hồi đến tổ chức, cá nhân hướng dẫn bổ sung thông tin trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin yêu cầu;</p> <p>+ Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu không có trong cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hoặc thuộc danh mục bí mật không được cung cấp, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản từ chối cung cấp dữ liệu trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;</p> <p>+ Trường hợp thông tin dữ liệu yêu cầu thuộc danh mục bí mật mà tổ chức, cá nhân yêu cầu là cơ quan, tổ chức và người Việt Nam được giao thực hiện</p>	Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	BTC, Thông tư số 74/2022/TT-BTC và Thông tư số 55/2018/TT-BTC	<p>thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thông tư số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước được đề nghị cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thông báo tổ chức, cá nhân đến làm việc trực tiếp.</p> <p>- Thời hạn giải quyết và trả kết quả:</p> <p>+ Đối với dữ liệu đơn giản: trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;</p> <p>+ Đối với dữ liệu phức tạp, cần phải có thời gian để xem xét, tìm kiếm, sao chép, trích xuất, tập hợp từ trong cơ sở dữ liệu: trong thời hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;</p> <p>+ Trường hợp nội dung yêu cầu quá phức tạp, khối lượng lớn: trong thời hạn chậm nhất là 35 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ;</p>			<p>294/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính: việc cung cấp dữ liệu được thực hiện sau khi tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.			- Quyết định số 1003/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1641/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chính**  
**lĩnh vực Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3135/TTr-STNMT-VP ngày 23 tháng 4 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 11 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025) rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự A.1, D.1 và mục B, C tại Phụ lục XIX Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025), Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</li><li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li><li>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li></ul>	Sở Tài nguyên và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Thu phí theo quy định	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Khoáng sản năm 2010.</li><li>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</li><li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li><li>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li><li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li></ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>

**B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường (có tên mới là Sở Nông nghiệp và Môi trường kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2025); Ban Quản lý Khu Công nghệ cao; Ban Quản lý các Khu chế xuất và khu công nghiệp**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép môi trường	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng</p>	- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố	Thu phí theo quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</p> <p>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>20 (hai mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>05 (năm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>15 (mười lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p>	<p>(đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp).</p> <p>- Ban quản lý Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</p>		<p>Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố.			<p>tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p> <p>- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
2	Cấp đổi Giấy phép môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</li> <li>- Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa <b>10 (mười) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp).</li> <li>- Ban quản lý Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong</li> </ul>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</li> <li>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>khu công nghệ cao).</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</p>		<p>số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>- Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p> <p>- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p>
3	Cấp điều chỉnh Giấy môi trường	<p>- Thời hạn trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</p> <p>- Thời hạn cấp điều chỉnh giấy</p>	<p>- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp</p>	Thu phí theo quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</p> <p>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>phép môi trường: Tối đa <b>25 (hai mươi lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>- Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố.</p>	<p>Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp).</p> <p>- Ban quản lý Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công</p>		<p>chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			nghe cao)		<p>02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p> <p>- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
4	Cấp lại Giấy phép môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</li> <li>- Thời hạn cấp lại giấy phép môi trường: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>+ Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp việc tiếp nhận và trả kết quả cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp).</li> <li>- Ban quản lý Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư,</li> </ul>	Thu phí theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</li> <li>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư.</p> <p>Thời gian phân tích mẫu chất thải của cơ quan cấp phép và thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở không tính vào thời hạn cấp lại giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố.</p>	<p>cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</p>		<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p> <p>- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p>
5	Thẩm định đánh giá tác động môi	Tổng thời gian giải quyết thủ tục hành chính: tối đa 50 ngày, cụ thể như sau:	- Ban quản lý các Khu chế xuất và	Thu phí theo quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</p> <p>- Nghị quyết số 98/2023/QH15</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</li> <li>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Tối đa là <b>30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định của UBND tỉnh (quy định tại khoản 3 Điều 35 của Luật Bảo vệ môi trường).</li> <li>- Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định.</li> <li>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa <b>20 (hai mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không</li> </ul>	<p>Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp).</p> <p>- Ban quản lý Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công</p>		<p>ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố.	ngành, khu công nghệ cao)		<p>nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.</p> <p>- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép môi trường	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>20 (hai mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp) - Ban quản lý	Thu phí theo quy định	- Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>(trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>05 (năm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là <b>10 (mười) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>Thời gian phân tích mẫu chất thải và hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của</p>	<p>Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</p>		<p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố.			Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp đổi Giấy phép môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn cấp đổi giấy phép môi trường: Tối đa 10	- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường 2020. - Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<b>(mười) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	<p>trong các khu chế xuất, khu công nghiệp)</p> <p>- Ban quản lý</p> <p>Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</p>		<p>hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>
3	Cấp điều	- Thời hạn trả lời về tính đầy	- Ban quản lý các	Thu phí theo	- Luật Bảo vệ môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chỉnh Giấy phép môi trường	<p>đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Thời hạn cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Tối đa <b>25 (hai mươi lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố.</p>	<p>Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp)</p> <p>- Ban quản lý</p> <p>Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</p> <p>- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</p>	quy định	<p>2020.</p> <p>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định.</li> <li>- Thời hạn cấp lại giấy phép môi trường:</li> <li>+ Tối đa <b>30 (ba mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>+ Tối đa <b>20 (hai mươi) ngày</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong trường hợp việc tiếp nhận và trả kết quả cấp lại giấy phép môi trường được thực hiện trên môi trường điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan cấp phép đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong các khu chế xuất, khu công nghiệp)</li> <li>- Ban quản lý Khu công nghệ cao (đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu công nghệ cao).</li> <li>- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức (đối với các dự án đầu tư, cơ sở ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao)</li> </ul>	Thu phí theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</li> <li>- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>thải và khi có yêu cầu của chủ dự án đầu tư.</p> <p>Thời gian phân tích mẫu chất thải của cơ quan cấp phép và thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở không tính vào thời hạn cấp lại giấy phép môi trường.</p>			<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**D. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra về tính đầy đủ của hồ sơ: không quy định.</li> <li>- Thời hạn xử lý, trả kết quả: Tối đa <b>15 (mười lăm) ngày</b> kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ dự án đầu tư. Trường hợp không có văn bản trả lời trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.</li> </ul>	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường 2020.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p>

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng